

KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ PHẠM VI XÉT XỬ PHÚC THẨM

PHAN THỊ THANH MAI*

Tóm tắt: Phạm vi xét xử phúc thẩm xác định giới hạn thẩm quyền của Tòa án khi xét xử phúc thẩm, được xem xét, quyết định những vấn đề pháp lý nhất định của vụ án hình sự. Quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS năm 2015) tiếp tục kế thừa và hoàn thiện hơn so với quy định trong BLTTHS năm 2003 nhưng vẫn còn những hạn chế cần tiếp tục hoàn thiện. Bài viết này phân tích bất cập trong quy định của BLTTHS năm 2015 về phạm vi xét xử phúc thẩm, đề xuất hoàn thiện quy định này theo hướng xác định phạm vi xét xử phúc thẩm phù hợp tính chất của phúc thẩm và bảo đảm các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự.

Từ khóa: Phạm vi, xét xử phúc thẩm, hoàn thiện pháp luật, nguyên tắc, Bộ luật Tố tụng hình sự

Ngày nhận bài: 07/3/2023; Biên tập xong: 15/3/2023; Duyệt đăng: 19/5/2023

RECOMMENDATIONS TO IMPROVE THE 2015 CRIMINAL PROCEDURES CODE ON SCOPE OF APPELLATE JURISDICTION

Abstract: The scope of appellate jurisdiction means the limit of Court's jurisdiction in considering and deciding certain legal issues of criminal cases in appellate jurisdiction. Although the provisions on that matter in the 2015 Criminal Procedure Code have inherited and been more perfect than those in the former one, it has remained some limitations that need to be further improved. This article analyzes the inadequacies on the scope of appellate jurisdiction in the 2015 Criminal Procedure Code, then proposes to determine the scope of appellate jurisdiction in accordance with its nature and ensure basic principles of criminal procedure.

Keywords: Scope, appellate jurisdiction, perfecting the law, principles, the Criminal Procedure Code

Received: Mar 7th, 2023; **Editing completed:** Mar 15th, 2023; **Accepted for publication:** May 19th, 2023

1. Đặt vấn đề

Phạm vi xét xử phúc thẩm là một nội dung quan trọng trong chế định về thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm và là cơ sở để xác định thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án, quyết định sơ thẩm. Chính vì vậy, việc xác định chính xác phạm vi xét xử phúc thẩm, tạo căn cứ pháp lý phù hợp để tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình là rất cần thiết. Hiện nay, quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm tại Điều 345 BLTTHS năm 2015 còn tồn tại một số bất cập, chưa phù hợp với tính chất của xét xử phúc thẩm, chưa phù hợp với một số nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự và còn mâu thuẫn với một số quy định khác. Do đó, việc nghiên cứu làm rõ các bất cập trong quy định tại Điều 345 BLTTHS năm 2015 và hoàn thiện

quy định này là cần thiết.

2. Quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm tại Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và một số bất cập

Điều 345 BLTTHS năm 2015 về phạm vi xét xử phúc thẩm quy định: “Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần nội dung của bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Nếu xét thấy cần thiết, có thể xem xét các phần khác của bản án, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị”. Theo quy định này, Tòa án cấp phúc thẩm có thẩm quyền xem xét phần nội dung của bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Việc quy định phạm vi xét xử phúc thẩm căn cứ vào nội

* Email: Phanmai24@gmail.com

Tiến sĩ, Khoa Pháp luật hình sự, Trường Đại học Luật Hà Nội

dung của kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm là phù hợp với tính chất của phúc thẩm và phù hợp với nguyên tắc chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm (còn được hiểu là nguyên tắc hai cấp xét xử). Theo đó, bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của BLTTHS. Bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm và đây là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị¹. Khi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, kiểm tra tính hợp pháp, tính có căn cứ và tính công bằng của phần nội dung của bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị.

Bên cạnh việc quy định phạm vi xét xử phúc thẩm căn cứ vào nội dung của kháng cáo, kháng nghị, Điều 345 BLTTHS năm 2015 còn quy định: “Nếu xét thấy cần thiết, có thể xem xét các phần khác của bản án, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị”. “Các phần khác của bản án, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị” trong điều này được quy định cụ thể tại khoản 1 và khoản 3 Điều 357 BLTTHS năm 2015. Theo đó, khi có căn cứ xác định bản án sơ thẩm đã tuyên không đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo hoặc có tình tiết mới thì Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền sửa bản án sơ thẩm cho những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị như sau: Miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt cho bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung; không áp dụng biện pháp tư pháp; áp dụng điều, khoản của Bộ luật Hình sự về tội nhẹ hơn; giảm hình phạt cho bị cáo; giảm mức bồi thường thiệt hại và sửa quyết định xử lý vật chứng; chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn; giữ nguyên hoặc giảm mức hình phạt

tù và cho hưởng án treo². Theo quy định này, ngoài việc bổ sung những trường hợp có thể sửa theo hướng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị như miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt cho bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung; không áp dụng biện pháp tư pháp; sửa quyết định xử lý vật chứng thì tòa án cấp phúc thẩm còn được quyền sửa án sơ thẩm, giảm mức bồi thường thiệt hại cho bị cáo không có kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị.

Quy định tại Điều 345 BLTTHS năm 2015 về việc Tòa án cấp phúc thẩm “nếu xét thấy cần thiết, có thể xem xét các phần khác của bản án, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị” theo chúng tôi có một số bất cập về lý luận và vướng mắc về thực tiễn áp dụng. Cụ thể như sau:

- Xét xử phúc thẩm ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị không phù hợp với đặc điểm của quyền tư pháp do Tòa án thực hiện.

Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Quyền tư pháp là một nội dung của quyền lực nhà nước, về bản chất, “tư pháp là một lĩnh vực quyền lực nhà nước, được thực hiện thông qua hoạt động phân xử và phán xét tính đúng đắn, tính hợp pháp của các hành vi, các quyết định pháp luật khi có sự tranh chấp về các quyền và lợi ích giữa các chủ thể pháp luật”³. Trong khoa học pháp lý, dù có nhiều định nghĩa khác nhau về quyền tư pháp nhưng “nhận thức chung về quyền tư pháp cốt lõi là quyền xét xử, là việc nhân danh nhà nước giải quyết tranh chấp, giải quyết xung đột xã hội trên cơ sở pháp luật và lẽ công bằng, thông qua xét xử, theo các thủ tục tố tụng luật định”⁴. Với vai trò là cơ

¹ Xem Điều 27 và Điều 330 BLTTHS năm 2015.

² Xem khoản 1 Điều 357 BLTTHS năm 2015.

³ Nguyễn Đăng Dung, *Thế chế Tư pháp trong Nhà nước pháp quyền*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005, tr. 11.

⁴ Phí Thành Chung, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, “*Quyền tư pháp và một số nguyên tắc cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”, <https://>

quan xét xử thực hiện quyền tư pháp nhân danh nhà nước giải quyết tranh chấp, giải quyết xung đột xã hội, Tòa án chỉ xét xử khi các bên có tranh chấp, xung đột yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp, xung đột trên cơ sở pháp luật và lẽ công bằng. Về vấn đề này, tác giả Jean Louis Gillet đã khẳng định: “Tòa án không phải là một cơ quan mang tính tự động và không thể hoạt động một cách vô đoán. Một vấn đề mang tính nguyên tắc đã được thừa nhận chung đó là Tòa án chỉ giải quyết vụ việc khi có cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền yêu cầu mà không được chủ động phát động giải quyết vụ án”⁵. Tác giả Mai Thanh Hiếu cũng khẳng định “việc giới hạn phạm vi xét xử phúc thẩm trong phạm vi của kháng cáo, kháng nghị là phù hợp với đặc điểm của quyền tư pháp do tòa án thực hiện, đó là “chỉ có thể hành động khi người ta yêu cầu”⁶. Vì vậy, việc Tòa án cấp phúc thẩm xem xét để sửa bản án sơ thẩm khi không có kháng cáo của người tham gia tố tụng và kháng nghị của Viện kiểm sát là đã tự động giải quyết phần vụ án không có chủ thể nào yêu cầu giải quyết. Điều đó là không phù hợp với đặc điểm của quyền tư pháp do Tòa án thực hiện.

- Xét xử phúc thẩm ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị không bảo đảm nguyên tắc chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm và không phù hợp với tính chất của xét xử phúc thẩm.

Nguyên tắc hai cấp xét xử là nguyên tắc có tính thông lệ chung của tố tụng hình sự trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Việc được yêu cầu xét xử lại ở tòa án cấp cao hơn là một trong những quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Khoản 5 Điều 14 Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính

trị năm 1966 quy định “bất cứ người nào bị kết án là phạm tội đều có quyền yêu cầu tòa án cấp cao hơn xem xét lại bản án và hình phạt đối với mình theo quy định của pháp luật”. Theo quy định tại Điều 27 BLTTHS năm 2015, bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của BLTTHS. Bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn do Bộ luật này quy định thì có hiệu lực pháp luật. Bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm. Theo nguyên tắc này, chỉ xét xử phúc thẩm khi có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm để những người có quyền lợi liên quan trong vụ án và Viện kiểm sát đại diện cho nhà nước, bảo vệ lợi ích chung của xã hội được yêu cầu tòa án cấp cao hơn xét xử lại vụ án. Theo quy định tại Điều 330 BLTTHS năm 2015, tính chất của xét xử phúc thẩm được xác định như sau: “Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị”. Xét xử phúc thẩm không phải là thủ tục đương nhiên phải có sau khi xét xử sơ thẩm. Thủ tục này chỉ xuất hiện khi có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm là cơ sở phát sinh thủ tục phúc thẩm, vì vậy, đó cũng là căn cứ để xác định phạm vi xét xử phúc thẩm. Nguyên tắc xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm được bảo đảm (Điều 27 BLTTHS) cũng xác định rõ “bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn do Bộ luật này quy định thì có hiệu lực pháp luật” và vì vậy phải đưa ra thi hành.

- Xét xử phúc thẩm ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị không bảo đảm nguyên tắc bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của tòa án.

Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật là văn bản đánh dấu sự kết thúc của quá trình điều tra, truy tố, xét xử, có ý nghĩa trên nhiều phương diện. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005

tapchitoaan.vn/quyen-tu-phap-va-mot-so-nguyen-tac-co-ban-cua-nha-nuoc-phap-quyen-xhcn-vn.

⁵ Nhà pháp luật Việt - Pháp, *Pháp luật về tổ chức Tòa án, quản lý Tòa án, quản lý Thẩm phán và cán bộ Tòa án*, 2001, tr. 13.

⁶ Mai Thanh Hiếu, “Khái niệm hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí Luật học*, Số (1), 2015, tr. 28.

của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã khẳng định: “*Xây dựng cơ chế bảo đảm mọi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật phải được thi hành*” và coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Chiến lược cải cách tư pháp. Điều 106 Hiến pháp năm 2013 cũng quy định: “*Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành*”. Nguyên tắc Hiến định này đã được quy định là một trong những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự. Điều 28 BLTTHS năm 2015 quy định: Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ thi hành bản án, quyết định của Tòa án. Nguyên tắc này thể hiện sức mạnh, tính hiệu quả của pháp luật trên thực tế và có ý nghĩa lớn đối với việc nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm. Thời điểm phát sinh hiệu lực của bản án, quyết định sơ thẩm đã được xác định rõ tại Điều 343 BLTTHS năm 2015: Bản án, quyết định và những phần của bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Khi phát sinh hiệu lực pháp luật, bản án, quyết định của tòa án được đưa ra thi hành và phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng. Khi tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết cả phần bản án, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm (đã có hiệu lực pháp luật) là tòa án cấp phúc thẩm đã không tôn trọng hiệu lực của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật chỉ có thể bị xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo đúng quy định của BLTTHS, đó là “bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu

lực pháp luật mà phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có tình tiết mới theo quy định của Bộ luật này thì được xem xét lại theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm” (khoản 2 Điều 27 BLTTHS). Hiệu lực của bản án, quyết định của tòa án chỉ có thể bị hủy bỏ bởi tòa án cấp cao hơn có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- *Xét xử phúc thẩm ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị không bảo đảm nguyên tắc không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm.*

Nguyên tắc không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm được quy định tại Điều 14 BLTTHS với nội dung: Không được khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với người mà hành vi của họ đã có bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, trừ trường hợp họ thực hiện hành vi nguy hiểm khác cho xã hội mà Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm. Phần bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị sẽ phát sinh hiệu lực. Vì vậy, nếu tòa án cấp phúc thẩm xét xử ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, sửa án đối với cả những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị là đã xét xử người mà hành vi của họ đã có bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật. Bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật sau khi tuyên án, trong khi đó, chưa có quyết định hủy bản án hoặc phần bản án sơ thẩm đã có hiệu lực là đồng thời có hai bản án có hiệu lực pháp luật với nội dung khác nhau về cùng một hành vi của một người. Như vậy là trái với nguyên tắc không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm.

- *Xét xử phúc thẩm ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị không bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm.*

Tòa án có trách nhiệm phải bảo đảm tranh tụng trong xét xử. Theo quy định tại Điều 27 BLTTHS: Trong quá trình xét xử, Kiểm sát viên, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Phiên

tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án. Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa. Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa⁷. Khi tòa án cấp phúc thẩm sửa án đối với cả những phần ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị thì các nội dung của nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” sẽ không được thực hiện đầy đủ. Tại phiên tòa do không có kháng cáo, kháng nghị nên cũng không có lập luận bảo vệ quan điểm của Viện kiểm sát, của người kháng cáo về vấn đề này. Những người không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị có thể còn không được triệu tập đầy đủ đến phiên tòa phúc thẩm và không tham gia tranh tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, không phải mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa mà dường như đó chỉ đơn thuần là hoạt động chuyên môn của tòa án nhằm sửa chữa những sai

lầm trong bản án sơ thẩm. Do không bảo đảm việc tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện một cách đầy đủ, vì vậy bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm cũng chưa bảo đảm được điều kiện đó là “phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa”.

- Xét xử phúc thẩm ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị không bảo đảm nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự.

Quyền bào chữa là quyền có ý nghĩa quan trọng trong các quyền con người của người bị buộc tội. Quyền bào chữa của người bị buộc tội là tất cả những việc họ được làm, được hưởng, được đòi hỏi nhằm hướng tới việc bác bỏ sự buộc tội, chứng minh sự vô tội, giảm nhẹ tội để bảo vệ những quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình. Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị quy định người bị cáo buộc là phạm tội hình sự có quyền “có đủ thời gian và điều kiện thuận lợi để chuẩn bị bào chữa và liên hệ với người bào chữa do chính mình lựa chọn” và họ phải được hưởng quyền này một cách đầy đủ và hoàn toàn bình đẳng. Pháp luật tố tụng hình sự các nước trên thế giới đều quy định về quyền bào chữa như một trong những quyền cơ bản và quan trọng nhất của người bị buộc tội. Mặt khác, việc thực hiện quyền bào chữa còn là yêu cầu khách quan của tố tụng hình sự để việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, đầy đủ.

Cùng với việc ghi nhận nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa, để bảo đảm cân bằng lợi ích giữa các bên có quyền lợi liên quan trong vụ án hình sự, pháp luật cũng ghi nhận nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự. Trong xét xử, bảo đảm thực hiện quyền bào chữa cùng với việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự là một trong những điều kiện cần thiết giúp cho phán quyết của Tòa án được công bằng, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội,

⁷ Xem Điều 27 BLTTHS năm 2015.

giải quyết đúng đắn vấn đề dân sự trong vụ án hình sự và những vấn đề khác trong vụ án hình sự.

Điều 16 BLTTHS năm 2015 quy định: “Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật này”. Quyền bào chữa là quyền của người bị buộc tội, không phải là quyền của người bị kết án. Khi tòa án cấp phúc thẩm xét xử đối với cả những bị cáo không có kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị thì lúc đó họ đã là người bị kết án, họ không còn các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị cáo, trong đó có cả quyền bào chữa. Về nguyên tắc là như vậy nhưng thực tế khi tòa án cấp phúc thẩm xét xử với cả những người không có kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị thì rõ ràng Tòa án đã xác định những người đó là bị cáo. Trong bản án phúc thẩm, phần ghi đối với bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị được hướng dẫn là “nếu có bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm có xem xét phần của bản án sơ thẩm đối với họ, thì ghi như bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị”⁸. Nếu đã xác định họ là bị cáo thì tòa án cấp phúc thẩm phải bảo đảm các quyền tố tụng, bảo đảm quyền bào chữa cho họ. Có thể các nhà làm luật cho rằng, việc sửa án đối với những người này là theo hướng có lợi cho họ nên không ảnh hưởng đến quyền bào chữa của họ. Nhưng xét về mặt pháp luật, rõ ràng việc họ không thực hiện được quyền bào chữa, không có người bào chữa chỉ định trong trường hợp luật định rõ ràng là không phù hợp với nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội.

⁸ Mẫu số 28-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

Đặc biệt, khi xét xử phúc thẩm ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị về phần bồi thường thiệt hại trong bản án hình sự sơ thẩm là không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự. Quy định của BLTTHS năm 2015 về việc tòa án cấp phúc thẩm có quyền “giảm mức bồi thường thiệt hại cho bị cáo không có kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị” được nhiều tác giả nhận định là bất cập, không hợp lý. Có ý kiến cho rằng quy định tòa án cấp phúc thẩm được sửa án theo hướng giảm mức bồi thường thiệt hại khi không có kháng cáo, kháng nghị về mức bồi thường thiệt hại là vi phạm nguyên tắc cơ bản trong pháp luật dân sự đó là nguyên tắc tự nguyện cam kết và thỏa thuận. Khi bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị liên quan đến vấn đề bồi thường thiệt hại cũng được coi như giữa bị cáo, bị hại hoặc nguyên đơn dân sự và bị đơn dân sự đã thống nhất ý chí với phán quyết về phần bồi thường thiệt hại trong bản án sơ thẩm. Khi các bên đã cùng thống nhất ý chí thì việc Hội đồng xét xử phúc thẩm tự ý giảm mức bồi thường thiệt hại là không cần thiết. Thậm chí, việc làm này của Hội đồng xét xử phúc thẩm trong một số trường hợp còn vi phạm nguyên tắc tự nguyện thỏa thuận về dân sự, đồng thời xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của người được bồi thường⁹. Tác giả khác cũng cho rằng “việc giảm mức bồi thường thiệt hại cho những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị là không hợp lý vì không phù hợp với nguyên tắc tự định đoạt của đương sự, theo đó đương sự tự quyết định về quyền lợi ích của họ và lựa chọn biện pháp pháp lý cần thiết để bảo vệ lợi ích đó”¹⁰.

⁹ Vũ Văn Hoàng, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, “Một số điểm chưa hợp lý về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với việc sửa bản án hình sự sơ thẩm”, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/mot-so-diem-chua-hop-ly-ve-tham-quyen-cua-hoi-dong-xet-xu-phuc-tham-doi-voi-viec-sua-ban-an-dan-su-so-tham>, truy cập ngày 20/02/2023.

¹⁰ Mai Thanh Hiếu, “Quyền sửa bản án sơ thẩm của Tòa án cấp phúc thẩm trong tố tụng hình sự Việt

Chúng tôi hoàn toàn chia sẻ với các ý kiến nêu trên về sự không hợp lý trong quy định của BLTTHS về việc tòa án cấp phúc thẩm có quyền giảm mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo không có kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị. Quyền kháng cáo là phương tiện pháp lý quan trọng và là một trong những nội dung của quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự trong thể hiện thông qua việc kháng cáo là một trong những quyền tố tụng quan trọng, bảo đảm cho đương sự có điều kiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như phát hiện, khắc phục, sửa chữa những sai sót của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ việc. Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”. Quy định này được hiểu rằng Tòa án chỉ được quyền thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự. Trong quá trình giải quyết, Tòa án chỉ xem xét vụ việc “trong phạm vi yêu cầu” của đương sự mà không được phép giải quyết thiếu hoặc vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự. Trách nhiệm của Tòa án đó là giải quyết đúng và đầy đủ yêu cầu của đương sự, đảm bảo cho đương sự được thực hiện quyền tự định đoạt, không hạn chế các đương sự thực hiện các quyền này¹¹. Như vậy, việc tòa án cấp phúc thẩm sửa mức bồi thường thiệt hại không có kháng cáo là vi phạm nguyên tắc tự định đoạt của đương sự.

Ngoài ra, việc Tòa án cấp phúc thẩm sửa giảm mức bồi thường là không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương

sự. Bởi lẽ, do không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên họ không được thông báo về kháng cáo kháng nghị¹² và không được tham gia phiên tòa phúc thẩm¹³. Vì vậy, bị hại, đương sự không thể chuẩn bị và thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ tại phiên tòa. Các quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm trong các BLTTHS năm 1988 và 2003 cũng không quy định tòa án cấp phúc thẩm được sửa án về phần bồi thường thiệt hại khi không có kháng cáo, kháng nghị¹⁴. Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 08/12/1988 của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao *Hướng dẫn thi hành một số quy định trong BLTTHS* cũng khẳng định rõ “đối với các khoản bồi thường dân sự trong bản án hình sự, nếu không có kháng cáo, kháng nghị, thì Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét”.

- *Vướng mắc trong việc xác định tư cách của người không có kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị tham gia phiên tòa phúc thẩm*

Theo quy định tại Điều 61 BLTTHS, bị cáo là người hoặc pháp nhân đã bị tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị cáo là đối tượng phải chịu sự xét xử của tòa án. Đối với bị cáo không có kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị thì khi tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa phúc thẩm, phần bản án sơ thẩm đối với họ đã có hiệu lực pháp luật. Đến thời điểm này, họ không còn là bị cáo mà là người bị kết án, có nghĩa vụ phải chấp hành bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật đối với họ. Do đó, họ không thể là đối tượng của việc xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể đưa họ ra xét xử và ra bản án phúc thẩm

Nam”, *Tạp chí Luật học*, Số (5), 2019, tr. 49.

¹¹ Hoàng Đình Dũng, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*, “Nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự”, <https://lsvn.vn/nguyen-tac-quyen-tu-dinh-doat-cua-duong-su-trong-to-tung-dan-su.html>, truy cập ngày 25/02/2023

¹² Điều 338 BLTTHS năm 2015 quy định chỉ thông báo về việc kháng cáo, kháng nghị cho bị cáo và những người liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

¹³ Theo quy định tại Điều 351 BLTTHS năm 2015, người tham gia tố tụng không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không tham gia phiên tòa.

¹⁴ Xem Điều 221 BLTTHS năm 1988 và Điều 249 BLTTHS năm 2003.

đối với họ vì như vậy là họ bị kết án hai lần về cùng một hành vi. Nếu tòa án phúc thẩm xét xử ra bản án đối với bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị thì quyết định trong bản án ghi là tuyên đối với bị cáo mà rõ ràng họ là người bị kết án. Như vậy là không đúng đối tượng của xét xử phúc thẩm. Từ những phân tích trên, chúng tôi cho rằng không thể triệu tập bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị tham gia phiên tòa phúc thẩm với tư cách bị cáo và không nên quy định tòa án cấp phúc thẩm có quyền xem xét phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị.

3. Kiến nghị

Từ những bất cập trong quy định của Điều 345 BLTTHS năm 2015 về phạm vi xét xử phúc thẩm đã phân tích ở trên, tác giả bài viết kiến nghị sửa đổi Điều 345 BLTTHS năm 2015 theo hướng chỉ xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị mà không xem xét các phần không có kháng cáo, kháng nghị. Theo đó, cần bỏ câu “nếu xét thấy cần thiết thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể xem xét các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị của bản án” trong Điều 241 BLTTHS năm 2015. Cùng với việc kiến nghị sửa đổi Điều 345 BLTTHS năm 2015, tác giả cũng kiến nghị sửa đổi Điều 357 BLTTHS năm 2015 theo hướng bỏ quy định tại khoản 3 Điều 357 về sửa án cho những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị. Cụ thể:

Điều 345. Phạm vi xét xử phúc thẩm

Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần nội dung của bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị.

Điều 357. Sửa bản án sơ thẩm

1. (giữ nguyên)

2. (giữ nguyên)

4. Kết luận

Phạm vi xét xử phúc thẩm là một trong những nội dung quan trọng trong việc xác định thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm.

Quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm trong BLTTHS năm 2015 tiếp tục kế thừa và hoàn thiện hơn so với quy định trong BLTTHS năm 2003 nhưng vẫn có nội dung còn bất cập, cần phải tiếp tục sửa đổi để hoàn thiện hơn cho phù hợp tính chất của phúc thẩm, bảo đảm các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đăng Dung, *Thế chế Tư pháp trong Nhà nước pháp quyền*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2005, tr.11.
2. Mai Thanh Hiếu, “Khái niệm hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí Luật học*, Số (1), 2015.
3. Mai Thanh Hiếu, “Quyền sửa bản án sơ thẩm của Tòa án cấp phúc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, Số (5), 2019.
4. Mẫu số 28-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).
5. Nhà pháp luật Việt - Pháp, *Pháp luật về tổ chức Tòa án, quản lý Tòa án, quản lý Thẩm phán và cán bộ Tòa án*, 2001.
6. Hoàng Đình Dũng, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*, “Nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự”, <https://lsvn.vn/nguyen-tac-quyen-tu-dinh-doat-cua-duong-su-trong-to-tung-dan-su.html>, truy cập ngày 25/02/2023.
7. Vũ Văn Hoàng, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, “Một số điểm chưa hợp lý về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với việc sửa bản án hình sự sơ thẩm”, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/mot-so-diem-chua-hop-ly-ve-tham-quyen-cua-hoi-dong-xet-xu-phuc-tham-doi-voi-viec-sua-ban-an-dan-su-so-tham>, truy cập ngày 20/02/2023.
8. Phí Thành Chung, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, “Quyền tư pháp và một số nguyên tắc cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, <https://tapchitoaan.vn/quyen-tu-phap-va-mot-so-nguyen-tac-co-ban-cua-nha-nuoc-phap-quyen-xhcn-vn>.
9. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, 1966.